

Số liệu học sinh tại thời điểm 31/08/2021 do cơ sở giáo dục báo cáo

Ia. Trường Mầm non (công lập):

TT	Tên trường	TS lớp	Trong đó				TS HS	Trong đó			
			NT	Mầm	Chồi	Lá		NT	Mầm	Chồi	Lá
1	MN Thị trấn Nhà Bè	6		1	2	3	143		22	50	71
2	MN Sơn Ca	9	2	2	2	3	245	21	63	72	89
3	MN Tuổi Ngọc	10	3	2	2	3	258	33	61	79	85
4	MN Mạ Non	12	2	3	3	4	302	54	46	96	106
5	MN Hoa Lan	13	3	3	3	4	333	32	72	95	134
6	MN Đồng Xanh	14	4	2	3	5	335	61	60	80	134
7	MN Sao Mai	8	1	2	2	3	178	8	30	64	76
8	MN Tuổi Hoa	14	2	3	3	6	252	15	32	97	108
9	MN Hướng Dương	20	4	3	4	9	554	65	103	167	219
10	MN Hòa Mi	10	1	3	3	3	252	20	49	88	95
11	MN Vàng Anh	11	4	2	2	3	333	55	61	78	139
12	MN Vành Khuyên	10	1	3	3	3	195	12	22	76	85
13	MN Hoa Sen	8	2	2	2	2	176	16	45	54	61
Tổng cộng-		145	29	31	34	51	3.556	392	666	1.096	1.402

Ib.- Trường Mầm non (ngoài công lập):

TT	Tên trường	TS lớp	Trong đó				TS HS	Trong đó			
			NT	Mầm	Chồi	Lá		NT	Mầm	Chồi	Lá
1	MN Phụng Hồng	6	1	1	2	2	130	10	22	43	55
2	MN Hoa Hồng	5	1	1	1	2	132	12	30	40	50
3	MN Nam Sơn	6	1	1	2	2	115	15	20	30	50
4	MN Hoa Quỳnh	4	1	1	1	1	72	12	15	20	25
5	MN Sao Việt	8	2	2	2	2	136	19	22	46	49
6	MN Ngôi Nhà Mơ Ước	4	2		1	1	42	20		15	7
7	MN Bé Xinh	4	1	1	1	1	40	5	5	10	20
8	MN Bi Bi	4	1	1	1	1	62	10	12	24	16
9	MN Bé Vui	4	1	1	1	1	43	8	11	12	12
10	MN Bầu Trời Xanh	5	2	1	1	1	74	13	18	23	20
11	MN Chú Ong Nhỏ Phúc Long	10	2	2	3	3	167	30	27	51	59
12	MN Mầm Xanh	4	1	1	1	1	83	22	26	19	16
13	MN Thế Giới Trẻ Thơ	4	1	1	1	1	53	9	14	17	13
14	MN Thiên Thần Nhỏ	4	1	1	1	1	53	5	13	17	18
15	MN Việt Nga	6	1	2	2	1	135	25	40	40	30
16	MN Con Cưng	3	1	1	0	1	62	16	15	16	15
17	MN Tuổi Thần Tiên	3	1		1	1	80	25		30	25
18	MN Hoàng Anh	8	2	2	2	2	80	20	23	21	16
19	MN Vùng Đất Trẻ Thơ	4	1	1	1	1	71	16	18	21	16
20	MN Miền Cỏ Tích	3		1	1	1	26		14	7	5
21	MN Ngôi Sao Hưng Phát	4	1	1	1	1	55	10	17	18	10
22	MN Tuổi Thơ	4	1	1	1	1	96	4	26	31	35
23	MN Cầu Vồng 1	4	1	1	1	1	48	7	14	9	18
24	MN Xanh	8	3	2	1	2	71	18	25	15	13
25	MN Thái Hoàng Gia	2	1	0	1	0	27	7	8	8	4
26	MN Trí Công	4	1	1	1	1	40	15	15	10	0
27	MN Bám Bì	4	1	1	1	1	57	19	14	24	0
28	MN Thái Hoàng Gia 2	4	2		2		57	19	14	24	0
29	MN Chú Ong Nhỏ	5	1	1	1	2	135	15	35	35	50
30	MN Tinh Hoa	3	1	1		1	19	7	8		4
31	MN Hoa Anh Đào Nhỏ	4	1	1	1	1	52	25	12	8	7
Tổng cộng		145	38	32	37	38	2.313	438	533	684	658

Số liệu học sinh tại thời điểm 31/08/2021 do cơ sở giáo dục báo cáo

Ic.- Ngành học Mầm non (Nhóm lớp độc lập):

TT	Tên trường	TS lớp	Trong đó				TS HS	Trong đó				
			NT	Mầm	Chồi	Lá		NT	Mầm	Chồi	Lá	
1	LMG Mặt Trời Nhỏ	3		1	1	1	28			18	10	Lớp ghép M+C
2	LMG Ánh Sao	2			1	1	30		7	13	10	
3	LMG Sen Hồng	2			1	1	10			5	5	
4	NT Phương Mai	2	2				16	16				Lớp ghép M+C
5	LMG Cát Tiên	1			1		15		3	12		
6	NT Búp Bê Ngoan	2	1		1		20	10	4	6		
7	LMG Mặt Trời Bé Con	2		1	1		15		8	7		Lớp ghép M+C
	NT Mây Xanh	2	1	1			20	10	10			
9	LMN Thiên Thân Nhỏ	4	2		1	1	50	10		28	12	
10	NT Thỏ Bông	1	1				14	14				Lớp ghép M+C
11	LMN Nam Mỹ	4	1	1	1	1	51	4	11	17	19	
12	LMG Chú Ong Vàng	2		1	1		35		21	14		
13	LMG Thỏ Ngọc	2		1	1		31		16	15		Lớp ghép M+C
14	LMG Ánh Linh	2			1	1	24		5	6	13	
15	LMG Hoa Mai	2		1	1		30		12	18		
16	LMG Nắng Mai 1	3	1		1	1	35	8	8	8	11	Lớp ghép M+C
17	LMN MiMoSa	1			1		9		4	4	1	
18	NT Anh Quốc	3	3				25	25				
19	LMG Anh Quốc 2	2	1	1			9	5	4			Lớp ghép M+C
20	NT Tuổi Thơ Rực Rỡ	1	1				10	10				
21	LMG Tuổi Thơ Rực Rỡ 2	3		1	1	1	30		10	12	8	
22	LMG Ánh Dương	2			1	1	25			10	15	Lớp ghép M+C
23	NT Sao Khuê	2	2				33	33				
24	LMG Vườn Ươm	1			1		14			14		
25	LMG Cầu Vồng	3		1	1	1	41		15	10	16	Lớp ghép M+C
26	NT Hoa Mặt Trời	1	1				15	15				
27	LMG Hoa Mặt Trời 2	2			1	1	25			13	12	
28	LMG Quốc Tế SG Liên Kết	3	1	1	1		40	10	14	16		Lớp ghép M+C
29	LMG Minh Hằng	3		1	1	1	29		4	8	17	
30	LMG Anh Đào	2		1	1		15		7	8		
31	LMG Thăng Long	2		1	1		20		11	9		Lớp ghép M+C
32	LMG Đom Đóm Xanh	3		1	1	1	40	0	0	22	18	
33	NT Ngôi Sao Nhỏ	1	1				20	20				
34	LMG Bé Thông Minh	2	1		1		27	14		13		Lớp ghép M+C
35	LMG Hoa Nắng	2		1	1		22		8	14		
36	LMG Hoa Sữa	2		1	1		10		5	5		
37	LMG Phương Mỹ	3		1	1	1	38		6	17	15	Lớp ghép M+C
38	LMG Gia Bảo	2		1	1		16		6	10		
39	LMG Hoa Sen Hồng	4	1	1	1	1	30	3	10	12	5	
40	LMG Huỳnh Gia	2		1	1		20		10	10		Lớp ghép M+C
41	LMG Ánh Bình Minh	2		1	1		25		15	10	0	
42	LMN Nhà Cửa Bé	3	1		1	1	47	17	15	10	5	
43	LMN Hạnh Phúc	2		1	1	0	12	7	5	0	0	Lớp ghép M+C
44	LMG An An	1		1			25		15	10		
45	LMN Bé Yêu	2	1	1			11	4	7			
46	LMN Cánh Cam	2	1		1		11	3		8		Lớp ghép M+C
47	NT Kiều Vân	1	1				0	0				
	Tổng cộng	101	25	25	35	16	1.118	238	276	412	192	

Chú thích: Đơn vị không cập nhật báo cáo thì số liệu trong biểu này là số liệu cập nhật gần nhất của đơn vị.

II. Cấp Tiểu học

TT	Tên trường	TS lớp	Trong đó					TS HS	Trong đó				
			L1	L2	L3	L4	L5		L1	L2	L3	L4	L5
1	TiH Trần Thị Ngọc Hân	41	10	8	9	8	6	1.544	332	307	350	314	241
2	TiH Lâm Văn Bền	34	7	6	6	8	7	1.327	192	238	243	346	308
3	TiH Nguyễn Việt Hồng	23	5	5	4	6	3	887	191	172	152	242	130
4	TiH Nguyễn Trục	34	7	7	6	8	6	1.258	225	258	226	304	245
5	TiH Nguyễn Bình	26	6	6	4	6	4	863	145	187	150	242	139
6	TiH Trang Tấn Khương	42	9	9	8	9	7	1.407	274	281	284	315	253
7	TiH Dương Văn Lịch	33	7	6	6	8	6	1.331	246	252	251	340	242
8	TiH Nguyễn Văn Tạo	29	6	6	6	6	5	898	177	179	181	207	154
9	TiH Lê Lợi	28	5	6	5	7	5	903	158	172	160	241	172
10	TiH Lê Văn Lương	34	6	8	7	7	6	1.220	202	283	272	264	199
11	TiH Tạ Uyên	34	6	6	8	8	6	1.176	195	219	265	286	211
12	TiH Lê Quang Định	28	6	6	6	6	4	1.107	207	242	229	247	182
13	TiH Bùi Văn Ba	25	5	5	5	5	5	895	179	171	186	195	164
14	TiH Bùi Thanh Khiết	14	3	3	3	3	2	505	104	107	106	105	83
15	TiH Bờ Tây (Nguyễn Hồng Thệ	5	1	1	1	1	1	187	45	34	45	32	31
Tổng cộng		430	89	88	84	96	73	15.508	2.872	3.102	3.100	3.680	2.754

III. Cấp Trung học cơ sở

TT	Tên trường	TS lớp	Trong đó				TS HS	Trong đó			
			L6	L7	L8	L9		L6	L7	L8	L9
1	THCS Nguyễn Bình Khiêm	42	11	11	10	10	1.977	476	543	464	494
2	THCS Lê Văn Hưu	34	7	10	9	8	1.514	303	465	395	351
3	THCS Nguyễn Thị Hương	30	6	9	8	7	1.367	274	443	354	296
4	THCS Hiệp Phước	28	7	7	8	6	1.278	306	340	345	287
5	THCS Hai Bà Trưng	28	7	8	7	6	1.109	275	324	275	235
6	THCS Nguyễn Văn Quỳ	22	5	6	6	5	918	204	272	236	206
7	THCS Lê Thành Công	25	7	7	6	5	1.003	235	307	255	206
8	THCS Phước Lộc	12	3	3	3	3	461	110	137	114	100
Tổng cộng		221	53	61	57	50	9.627	2.183	2.831	2.438	2.175

Chú thích: Đơn vị không cập nhật báo cáo thì số liệu trong biểu này là số liệu nhận được gần nhất của đơn vị.